| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **341**/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 25/06/2019
V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thanh Huyền**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lâm Văn Quốc Trọng**
Bà **Tiêu Kim Thuận**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Hoàng Đức Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh*** tham gia phiên tòa: Bà **Mạnh Thị Tú Uyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 849/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018, về "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số: 48/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị T** – sinh năm 1984 *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*
Địa chỉ thường trú: 130/2 đường H, Phường N, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: 357/11/51A đường T, Phường X, Quận Z, Thành phố H

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hùng Đ** - sinh năm 1977 *(vắng mặt)*
Địa chỉ thường trú: 130/2 đường H, Phường N, Quận Y, Thành phố H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Thị T trình bày:**

Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Hùng Đ sống chung từ năm 2012, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17 ngày 06/03/2012 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh H.

Bà T và ông Đ có một người con chung tên Nguyễn Phú T (nam), sinh ngày 23/07/2013.

Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình và cách sống không hòa hợp. Bà T nhiều lần nộp đơn ly hôn nhưng lại rút đơn để hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng không có hạnh phúc, không thể chung sống được nữa nên bà T yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hùng Đ.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Bà T nhận nuôi người con chung tên Nguyễn Phú T và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông Đ không có tài sản chung.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho ông Nguyễn Hùng Đ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Đ không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của ông Đ. Ngày 06/05/2019, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Nguyễn Hùng Đ đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia hòa giải lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

*** Tại phiên tòa:**

- Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà T được ly hôn với ông Đ; giao người con chung tên Nguyễn Phú T cho bà T nuôi dưỡng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Phan Thị T, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai cho ông Nguyễn Hùng Đ nhưng ông Đ vắng mặt. Xét thấy việc ông Đ vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hùng Đ theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Hùng Đ chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn đúng qui định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Theo bà T thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình và cách sống không hòa hợp. Thời gian đã lâu đến nay không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Đ. Xét thấy cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà T, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Đ không đến Tòa án để hòa giải chứng tỏ ông Đ cũng không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ gắn bó lẫn nhau, do đó Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Xét việc bà T nhận nuôi người con chung tên Nguyễn Phú T, xét thấy trẻ Tường còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ, bà T có đủ khả năng nuôi con nên chấp nhận giao người con chung Nguyễn Phú T cho bà T nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T khai bà T và ông Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định bà T và ông Đ không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không xét.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hùng Đ.

- Về con chung:

Giao người con chung tên Nguyễn Phú T (nam), sinh ngày 23/07/2013 cho bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Hùng Đ vì bà T không có yêu cầu.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phan Thị T xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, Tòa án không xét.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: AA/2018/0016706 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 , Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Phan Thị T, Nguyễn Hùng Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận***:
- TANDTP -VKSNDTP;
- VSKND Quận 10;
- Chi cục THA Dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Huyền**